

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 9 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hải Châu

2. Bà Lê Thị Luy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Giàng Seo C, năm sinh 1964

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Tráng Thị S, năm sinh 1969

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2023; biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Giàng Seo C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 (anh C không nhớ ngày,

tháng) vì thời gian đã lâu; không đăng ký kết hôn vì khi đó chị S chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đến ngày 17/9/2002 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau khi về chung sống cùng với nhau, anh chị sống cùng cha mẹ của anh C được một năm, sau đó ra ở riêng và sống ở Thôn H, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Không biết vì lý do gì, tháng 02/2017 chị S bỏ đi đâu không ai biết và đến giờ không có tin tức gì. Anh C đã đi tìm chị S ở nhà bố mẹ vợ và tìm chị S ở nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị S. Vì vậy, anh C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố chị S mất tích. Tòa án đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự v/v “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” số 01/2023/QĐST-DS ngày 04/4/2023 tuyên bố chị S mất tích. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tráng Thị S để đảm bảo cuộc sống riêng của anh.

- Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S có bốn người con chung là cháu Giàng Seo P, sinh ngày 08/01/1988; cháu Giàng Thị D, sinh ngày 06/8/1992; cháu Giàng Seo PL, sinh ngày 19/9/1994 và cháu Giàng Seo C2, sinh ngày 22/10/2006. Nay cháu Giàng Seo P, cháu Giàng Thị D và cháu Giàng Seo PL đã trưởng thành trên 18 tuổi, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Giàng Seo C2, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Công cho đến khi cháu Công đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Anh C là lao động tự do, công việc chính là trồng trọt và chăn nuôi ở địa phương; thu nhập một tháng được khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); anh C có nhà cửa ổn định, có đất đai để canh tác trồng trọt; cháu Công cũng đã lớn, cháu đã đi làm kiếm tiền được nên anh C hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu Công.

- Về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản; quyền, nghĩa vụ tài sản.

Anh C đã giao nộp đầy đủ cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn chị Tráng Thị S: Ngày 04/4/2023, Tòa án nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 01/2023/QĐST-DS tuyên bố chị Tráng Thị S mất tích. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 15/6/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh; kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, từ khi Tòa án tuyên bố mất tích thì chị S không trở về địa phương, không ai biết chị S ở đâu và không có tin tức xác thực chị S còn sống hay đã chết. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị S đã bị mất tích nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý đúng quy định các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh, thu

thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203, 233. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Giàng Seo C được ly hôn với chị Tráng Thị S.

- Về con chung: Giao cháu Giàng Seo C2 cho anh C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định Pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục Tố tụng: Anh Giàng Seo C yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Tráng Thị S có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985; không đăng ký kết hôn. Đến ngày 17/9/2002 anh chị mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã S2, huyện S, tỉnh Lào Cai. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh C và chị S là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, không biết vì lý do gì, tháng 02/2017 chị S bỏ đi đâu không ai biết và đến giờ không có tin tức gì. Anh C đã đi tìm chị S ở nhà bố mẹ vợ và tìm chị S ở nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của chị

S. Vì vậy, anh C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố chị S mất tích. Tòa án đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự v/v “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” số 01/2023/QĐST-DS ngày 04/4/2023 tuyên bố chị S mất tích. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị S để đảm bảo cuộc sống riêng của anh. Xét yêu cầu của anh C là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S có bốn người con chung là cháu Giàng Seo P, sinh ngày 08/01/1988; cháu Giàng Thị D, sinh ngày 06/8/1992; cháu Giàng Seo PL, sinh ngày 19/9/1994 và cháu Giàng Seo C2, sinh ngày 22/10/2006. Nay cháu Giàng Seo P, cháu Giàng Thị D và cháu Giàng Seo PL đã trưởng thành trên 18 tuổi, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Công cho đến khi cháu Công đủ 18 tuổi; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con, anh C là lao động tự do, công việc chính là trồng trọt và chăn nuôi ở địa phương; thu nhập một tháng được khoảng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng); anh C có nhà cửa ổn định, có đất đai để canh tác trồng trọt nên đủ điều kiện nuôi con, đã được địa phương xác nhận. Xét thấy yêu cầu của anh C là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Công cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về án phí sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đã nộp đơn đề nghị Tòa án miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí hôn nhân gia đình và cung cấp văn bản xác nhận anh C là cá nhân thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1,5,6 Điều 15 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Giàng Seo C và chị Tráng Thị S.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung cháu Giàng Seo C2, sinh ngày 22/10/2006 cho anh Giàng Seo C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Giàng Seo C2 đủ 18 tuổi. Chị Tráng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Giàng Seo C được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã S2,
huyện S, tỉnh Lào Cai ;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

